

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

THẾ NGỌC MAI

**QUYỀN CON NGƯỜI VÀ GIÁO DỤC QUYỀN CON
NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

Mã số: 60 38 01 01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: GS. TS. Hoàng Thị Kim Quế

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014

**Có thể tìm hiểu luận văn tại
Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
MỤC LỤC.....	ii
MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI.....	5
1.1. NHẬN THỨC CHUNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI.....	5
1.1.1. Khái niệm quyền con người	5
1.1.2. Tính chất của quyền con người	8
1.1.3. Đặc điểm của quyền con người.....	11
1.1.4. Khái niệm giáo dục quyền con người.....	15
1.1.5. Mục đích giáo dục quyền con người	18
1.2. CHỦ THỂ, KHÁCH THỂ, ĐỐI TƯỢNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI; HÌNH THỨC, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI	20
1.2.1. Chủ thể giáo dục quyền con người	20
1.2.2. Khách thể, đối tượng giáo dục quyền con người.....	21
1.2.3. Hình thức giáo dục quyền con người.....	25
1.2.4. Nội dung giáo dục quyền con người	27
1.2.5. Phương pháp giáo dục quyền con người	30
1.3. GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI – ĐIỀU KIỆN QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN.....	36

1.4.	CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI	41
1.4.1.	Ý thức pháp luật của mỗi người dân.....	41
1.4.2.	Hệ thống thể chế cầm quyền	43
1.4.3.	Trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội	44
1.5.	CÁC TIỀN ĐỀ ĐẢM BẢO GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI	44
1.5.1.	Tiền đề, điều kiện chính trị	44
1.5.2.	Tiền đề, điều kiện về kinh tế	45
1.5.3.	Tiền đề, điều kiện về xã hội và nhận thức xã hội	46
1.5.4.	Tiền đề, điều kiện pháp lý.....	47
1.5.5.	Tiền đề, điều kiện về nguồn nhân lực và vật lực.....	50
1.6.	KINH NGHIỆM GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI CỦA LIÊN HỢP QUỐC VÀ CHÂU ÂU	52
1.6.1.	Giáo dục quyền con người của Liên Hợp Quốc	52
1.6.2.	Giáo dục quyền con người ở châu Âu	56
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VÀ QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY		65
2.1.	HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	65
2.1.1.	Hoạt động giáo dục quyền con người trong trường học	66
2.1.2.	Hoạt động giáo dục quyền con người bên ngoài trường học.....	79
2.2.	NHỮNG THÀNH TỰU, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN RÚT RA TỪ THỰC TIỄN GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN QUA.....	81

2.2.1.	Những thành tựu	81
2.2.2.	Những tồn tại.....	85
2.2.3.	Nguyên nhân rút ra từ thực tiễn giáo dục quyền con người ở Việt Nam trong thời gian qua.....	90
2.3.	QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	91
2.3.1.	Phương hướng chung	91
2.3.2.	Các giải pháp tăng cường giáo dục quyền con người ở nước ta hiện nay	95
KẾT LUẬN		104
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO		105

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền con người, hay *nhân quyền*, là một giá trị cơ bản, quan trọng của nhân loại. Đó là thành quả của sự phát triển lịch sử, là một đặc trưng của xã hội văn minh. Quyền con người cũng là một quy phạm pháp luật, đương nhiên nó đòi hỏi tất cả mọi thành viên của xã hội, không loại trừ bất cứ ai, đều có quyền và nghĩa vụ phải tôn trọng các quyền và tự do của mọi người.

Được chính thức pháp điển hóa trong luật quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quyền con người đã trở thành một hệ thống các tiêu chuẩn pháp luật quốc tế có tính chất bắt buộc với mọi quốc gia, và việc tôn trọng, bảo vệ các quyền con người đã trở thành thước đo về trình độ văn minh của các nước và các dân tộc trên thế giới. Ở Việt Nam, kể từ khi giành độc lập năm 1945, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng đến quyền con người. Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ngày 2/9/1945 được coi là một văn kiện có tính lịch sử trên phương diện quốc tế về quyền con người. Trên cơ sở đó, quyền con người đã được ghi nhận trong các bản Hiến pháp nước ta: Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 và gần đây nhất là Hiến pháp 1992 sửa đổi ngày 28 tháng 11 năm 2013 tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội Khóa XIII.

Mặc dù quyền con người có ứng dụng và ảnh hưởng ngày càng mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, xã hội nhưng do một số nguyên nhân, hoạt động giáo dục về quyền con người ở nước

ta còn nhiều hạn chế. Điều này dẫn tới một số hệ quả tiêu cực đó là do thiếu kiến thức về quyền, người dân không biết tự bảo vệ các quyền của mình, đồng thời thiếu ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện các nghĩa vụ công dân, dẫn đến sự vi phạm các quyền hợp pháp của người khác hoặc của cộng đồng.

Trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện nay, việc giáo dục nhân quyền có ý nghĩa to lớn hơn bao giờ hết vì nó thúc đẩy quá trình hội nhập của Việt Nam với thế giới và khu vực, góp phần xây dựng nền văn hóa nhân quyền toàn cầu. Xuất phát từ những nhu cầu lý luận và thực tiễn trên đây, việc nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá những thành tựu đã đạt được và những khuyết điểm còn tồn tại của giáo dục nhân quyền; đồng thời xác định phương hướng hoàn thiện hóa giáo dục nhân quyền là việc làm hết sức cần thiết và cấp bách.

2. Tình hình nghiên cứu

Vấn đề giáo dục pháp luật nói chung đã nhận được sự quan tâm của nhiều cơ quan, tổ chức và các nhà khoa học. Từ năm 1995 tới nay đã có nhiều công trình nghiên cứu, có thể kể tên một số công trình tiêu biểu sau:

+ Công trình đã viết thành sách:

Bàn về giáo dục pháp luật của hai tác giả Trần Ngọc Đường và Dương Thanh Mai, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội, 1995; *Sống và làm việc theo pháp luật - Một số vấn đề giáo dục pháp luật cho thanh niên*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 1997; *Giáo dục quyền con người, Những vấn đề lý luận và thực tiễn* của GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên, NXB Khoa học xã hội, 2011...

+ Các đề tài khoa học cấp Nhà nước và cấp bộ:

Tìm kiếm mô hình giáo dục pháp luật có hiệu quả trong một số dân tộc ít người, Đề tài khoa học cấp Bộ của Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp, 1995; *Đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống các trường chính trị ở nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2000; *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng chương trình quốc gia về phổ biến giáo dục pháp luật trong giai đoạn tới*, Đề tài khoa học cấp Bộ của Bộ Tư pháp, 2004...

+ Các luận án, luận văn:

Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam, Luận án Phó tiến sĩ Luật học của tác giả Dương Thanh Mai, 1996; *Giáo dục pháp luật trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật) ở nước ta hiện nay*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học của tác giả Đinh Xuân Thảo, 1996; *Giáo dục quyền con người, quyền công dân ở nước ta hiện nay – Thực trạng và giải pháp*, Luận văn thạc sĩ Luật học của tác giả Nguyễn Hữu Trí,, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội 2001 và một số luận văn thạc sĩ luật học, luận văn cử nhân của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Đại học Luật Hà Nội, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội và các cơ sở khác.

Các công trình nói trên đã nêu ra nhiều vấn đề rất cơ bản cả về lý luận và thực tiễn trong hoạt động giáo dục pháp luật trên nhiều góc độ. Tuy nhiên, có thể nói rằng, hiện nay vẫn có rất ít các công trình nghiên cứu chuyên sâu về giáo dục quyền con người. Vì vậy, đây là đề

tài nghiên cứu có hệ thống trên cơ sở kế thừa có chọn lọc kết quả nghiên cứu của các công trình, tài liệu khoa học trên và các tài liệu khác có liên quan về giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

3. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ của Luận văn

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng của vấn đề quyền con người, giáo dục quyền con người để xác định được phương hướng, đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường công tác giáo dục quyền con người trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ của luận văn

Để thực hiện được mục đích trên, luận văn đặt ra các nhiệm vụ:

- Tìm hiểu những khái niệm, tính chất và đặc điểm của quyền con người;
- Hệ thống hóa lý luận chung về giáo dục quyền con người;
- Đánh giá thực trạng của công tác giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay;
- Từ thực trạng đó, đề xuất các phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả công tác giáo dục quyền con người.

4. Phạm vi nghiên cứu của Luận văn

Luận văn phân tích khái niệm, tính chất, đặc điểm của quyền con người, trên cơ sở đó làm nền tảng để nghiên cứu vấn đề giáo dục quyền con người qua những kết quả khảo sát thực tiễn vấn đề này ở nước ta thời gian qua. Do vấn đề giáo dục quyền con người còn khá mới ở nước ta, nên tác giả xác định tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản, thực trạng và giải pháp về giáo dục quyền con người.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Luận văn được thực hiện trên cơ sở vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, quan hệ giữa Nhà nước pháp quyền với quyền con người, với giáo dục quyền con người ở nước ta.

- Luận văn sử dụng phương pháp thống kê, hệ thống, so sánh, phân tích, tổng hợp để đánh giá thực trạng giáo dục quyền con người ở nước ta hiện nay nhằm phân tích, luận chứng một cách khoa học phương hướng, giải pháp tăng cường giáo dục quyền con người ở nước ta.

6. Điểm mới của Luận văn

Đây là công trình chuyên khảo nghiên cứu tương đối có hệ thống về giáo dục quyền con người ở nước ta hiện nay, trên cơ sở tính đặc thù của quyền con người và hoạt động giáo dục quyền con người, Luận văn đánh giá thực trạng và phân tích nguyên nhân làm hạn chế hiệu quả giáo dục quyền con người ở nước ta trong thời gian qua; trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp góp phần thực hiện tốt vấn đề giáo dục quyền con người ở Việt Nam.

7. Kết cấu Luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quyền con người và giáo dục quyền con người.

Chương 2: Thực trạng và quan điểm, giải pháp giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

1.1. NHẬN THỨC CHUNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

1.1.1. Khái niệm quyền con người

Quyền con người là những quyền không bị tước bỏ bởi bất cứ ai và bất cứ chính thể nào; đó là: quyền sống, quyền tự do, quyền được mưu cầu hạnh phúc, quyền được bảo vệ và bình đẳng trước pháp luật, quyền an ninh thân thể, quyền không bị hình phạt tàn bạo và bất bình thường... Đó cũng là những đòi hỏi chính đáng về tự do và những nhu cầu cuộc sống cơ bản cần được đáp ứng của con người, không bị phá hủy khi xã hội dân sự được thiết lập và không một xã hội hay một chính phủ nào có thể xóa bỏ hoặc chuyển nhượng các quyền này. Nói cách khác, quyền con người đóng vai trò “là cơ sở để xác định tính điều chỉnh tự định đoạt của con người, khả năng độc lập của con người trong việc giải quyết các nhu cầu cá nhân”.

1.1.2. Tính chất của quyền con người

Quyền con người có các tính chất cơ bản bao gồm: tính phổ biến, tính đặc thù, tính không thể tước bỏ, tính không thể phân chia, tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau.

1.1.3. Đặc điểm của quyền con người

Đặc điểm của quyền con người được phân tích từ các góc độ bao gồm góc độ đạo đức – tôn giáo, lịch sử – xã hội, triết học, chính trị và pháp lý.

1.1.4. Khái niệm giáo dục quyền con người

Giáo dục quyền con người là một quá trình nhằm truyền đạt các kiến thức, các kỹ năng để người học có những hiểu biết về quyền con người, những giá trị phẩm giá, bình đẳng, tin cậy lẫn nhau, sự tôn trọng và hiểu biết về quyền của người khác, tôn trọng pháp luật để từ đó thúc đẩy mọi người tham gia vào mọi mặt của đời sống xã hội và cùng nhau xây dựng một “nền văn hóa nhân quyền” chung. Đó cũng là việc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến cho mỗi cá nhân trong cộng đồng hiểu rõ những quyền cơ bản của họ, đồng thời giúp họ hiểu được cách thức bảo vệ các quyền đó cũng như đạt được các kỹ năng để có thể sử dụng các quyền này trong cuộc sống.

1.1.5. Mục đích giáo dục quyền con người

Mục đích nhận thức: Giáo dục quyền con người nhằm hình thành và mở rộng tri thức về quyền con người. Mục đích cảm xúc: giáo dục quyền con người nhằm hình thành tình cảm và lòng tin đối với việc tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền con người. Mục đích hành vi: giáo dục quyền con người nhằm hình thành động cơ, hành vi và thói quen xử sự hợp pháp, tích cực để bảo đảm, bảo vệ và thực hiện quyền con người.

1.2. CHỦ THỂ, KHÁCH THỂ, ĐỐI TƯỢNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI; HÌNH THỨC, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

1.2.1. Chủ thể giáo dục quyền con người

Chủ thể của giáo dục quyền con người là những cá nhân,

những cơ quan, tổ chức làm công tác giáo dục trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc mang tính tự nguyện, mang tính trách nhiệm xã hội đã tham gia góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu giáo dục quyền con người.

1.2.2. Khách thể, đối tượng giáo dục quyền con người

Khách thể của giáo dục pháp luật là ý thức/nhận thức pháp luật và những thói quen, nếp sống, hành vi ứng xử của công dân, của các nhóm cộng đồng và toàn xã hội, thể hiện trình độ nhất định của nền văn hóa pháp lý.

Đối tượng giáo dục pháp luật là những cá nhân công dân, hay những nhóm cộng đồng xã hội cụ thể, tiếp nhận tác động của các loại hoạt động giáo dục pháp luật mà ý thức và hành vi của họ là khách thể của giáo dục pháp luật.

1.2.3. Hình thức giáo dục quyền con người

Giáo dục quyền con người có thể dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp; qua tranh ảnh, lời nói; qua phương pháp nêu gương, lên lớp, thảo luận, tham gia các hoạt động thực hành, thực tế, tự học và tham gia các hoạt động khác do người dạy quy định...

Giáo dục quyền con người cũng có thể được thực hiện một cách chính thức hoặc không chính thức. Giáo dục chính thức được kéo dài từ giáo dục trẻ thơ, qua bậc tiểu học và trung học đến giáo dục đại học. Nó là chương trình giảng dạy cơ sở và nó bao gồm giáo dục học thuật chung, đào tạo kỹ thuật và nghề nghiệp. Giáo dục không chính thức bao gồm những hoạt động giáo dục được tổ chức và thường là bên ngoài hệ thống giáo dục chính thức. Nó được thiết kế cho những

nhóm học cụ thể với những mục tiêu học cụ thể. Giáo dục không chính thức bao gồm giáo dục và đào tạo nghề cơ bản, giáo dục thanh niên và cộng đồng.

1.2.4. Nội dung giáo dục quyền con người

Nội dung giáo dục quyền con người có thể căn cứ vào các yêu cầu như sau:

- Yêu cầu tối thiểu về nội dung giáo dục quyền con người. Cấp độ này bao gồm những nội dung tối thiểu nhất, phổ thông nhất về quyền con người, phù hợp với đối tượng là quảng đại quần chúng nhân dân, nhằm giúp họ hình thành những tri thức tối thiểu, hình thành tình cảm, thói quen đơn giản trong việc thực hiện quyền con người.

- Yêu cầu riêng về giáo dục quyền con người theo nhu cầu về ngành, nghề, địa vị xã hội, giới, nhóm xã hội. Nội dung giáo dục quyền con người ở cấp độ này thường có tính tổng hợp, hệ thống, nền tảng, bao gồm: hệ thống các khái niệm, phạm trù cơ bản của quyền con người; những tri thức về quyền con người được ghi nhận trong pháp luật quốc gia, quốc tế, những tri thức cơ bản về xây dựng và đảm bảo quyền con người; việc xử lý vi phạm quyền con người.

- Yêu cầu giáo dục có tính chuyên ngành về quyền con người. Đây là cấp độ cao nhất của giáo dục quyền con người, bao gồm những tri thức mang tính chuyên sâu về quyền con người, những vấn đề mang tính chất kỹ năng, kỹ xảo, thao tác nghề nghiệp về quyền con người. Nội dung giáo dục ở cấp độ này chủ yếu dành cho các đối tượng trở thành chuyên gia nghiên cứu, giảng dạy, các chuyên gia hoạt động trong các tổ chức quốc gia, quốc tế về quyền con người.

1.2.5. Phương pháp giáo dục quyền con người

Giáo dục quyền con người có thể thực hiện bằng nhiều phương pháp khác nhau, có thể kể đến các phương pháp tiêu biểu như: Phương pháp nêu vấn đề – tình huống, Phương pháp thuyết trình – minh họa, Phương pháp sàng lọc, Phương pháp tự nghiên cứu, Phương pháp tái tạo, Phương pháp khám phá, sáng tạo...

1.3. GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI – ĐIỀU KIỆN QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

Tư tưởng Nhà nước pháp quyền được hình thành từ lâu trong lịch sử và ngày càng hoàn thiện như một phương thức tổ chức Nhà nước mà trong đó có các đặc điểm nổi bật như: quyền lực Nhà nước được bắt nguồn từ nhân dân; các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp được phân công thực hiện rõ ràng; pháp luật là tối thượng; và các cam kết quốc tế được Nhà nước đảm bảo thực hiện. Đặc biệt, trong Nhà nước pháp quyền, quyền con người luôn luôn được coi trọng; pháp luật quy định đầy đủ về quyền con người và được bảo đảm trong thực tế. Nhà nước pháp quyền là một Nhà nước mà ở đó, quyền và nghĩa vụ của tất cả và của mỗi người được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Chính vì vậy, giáo dục quyền con người, để cho công dân có ý thức về quyền của mình, bảo vệ quyền của mình và tôn trọng quyền của người khác là một điều kiện quan trọng đối với xây dựng Nhà nước pháp quyền.

1.4. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

1.4.1. Ý thức pháp luật của mỗi người dân

Lịch sử mấy ngàn năm văn hiến, hào hùng của Việt Nam luôn là

niềm tự hào của mỗi người con đất Việt. Người dân Việt Nam hình thành thói quen đặt nhân nghĩa lên hàng đầu, tình người được hết sức coi trọng trong các mối quan hệ xã hội... Có thể nói đây là một yếu tố thuận lợi nhất định đối với công tác giáo dục quyền con người.

Tuy nhiên, cũng chính từ truyền thống lịch sử, văn hóa ấy, những quan niệm về đạo đức, lễ giáo phong kiến cổ hủ như sự trọng nam khinh nữ, sự nhần nhịn của người phụ nữ trong gia đình cũng như ngoài xã hội, tâm lý một điều nhịn chín điều lành, dĩ hòa vi quý... vẫn còn mang đậm dấu ấn và ảnh hưởng lâu dài trong đời sống nhân dân. Điều này đã tác động sâu sắc đến nhận thức về quyền con người và giáo dục về quyền con người, trong đó có giáo dục về bình quyền và bình đẳng giới.

1.4.2. Hệ thống thể chế chăm quyền

Hệ thống thể chế chăm quyền cùng với các quan điểm, chính sách, pháp luật liên quan đến quyền con người; độ mở và độ minh bạch của thông tin về quyền con người là một yếu tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác giáo dục quyền con người. Khi nhắc đến hệ thống thể chế chăm quyền, không thể không nhắc tới vai trò của nhà chăm quyền, mà cụ thể là đạo đức chính trị vì con người của họ.

Cùng với đó, việc giáo dục quyền con người chỉ hiệu quả khi có một hệ thống độc lập và có sự phối hợp liên ngành trong phối hợp thực hiện giáo dục quyền con người một cách thống nhất, đồng bộ trong cả nước.

1.4.3. Trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội

Trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội là tiền đề cho sự phát

triển của giáo dục quyền con người. Khi kinh tế phát triển đến một mức độ nhất định, người dân sẽ có ý thức hơn về quyền của mình và tham gia công cuộc đấu tranh vì các quyền của mình. Ngược lại, khi trình độ phát triển kinh tế thấp thì người dân không có điều kiện để tìm hiểu pháp luật nói chung và quyền con người nói riêng.

1.5. CÁC TIỀN ĐỀ ĐẢM BẢO GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

1.5.1. Tiền đề, điều kiện chính trị

Những nhận thức đúng đắn của Đảng và Nhà nước về vai trò của công tác giáo dục quyền con người là một trong những điều kiện thuận lợi để công tác giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay có thể triển khai thực hiện trên thực tế một cách hữu hiệu.

1.5.2. Tiền đề, điều kiện về kinh tế

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chính là điều kiện kinh tế cho đảm bảo giáo dục quyền con người. Từ góc nhìn vận động của lịch sử, có thể nhận thấy, bản chất kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có khả năng đưa đến một xã hội mang bản chất nhân văn, xã hội của sự phát triển tự do và toàn diện của cá nhân mỗi người, xã hội phát triển trong quan hệ hài hòa giữa con người và con người với tự nhiên.

Một nền kinh tế thị trường phát triển lành mạnh đặt ra yêu cầu cao về sự công bằng, bình đẳng, chủ động, sáng tạo, bảo đảm thực thi đầy đủ các quyền con người, quyền công dân, trong đó có tự do kinh doanh. Và chính nền kinh tế thị trường ấy sẽ tạo ra cơ sở vật chất để thực hiện có hiệu quả công cụ giáo dục quyền con người ở Việt Nam.

1.5.3. Tiền đề, điều kiện về xã hội và nhận thức xã hội

Các kế hoạch, các chính sách về giáo dục quyền con người khó có thể đi vào cuộc sống trong một xã hội mà các công dân còn thờ ơ với chính trị, không tích cực tham gia vào các công việc chung của đất nước, không nhạy cảm về các vấn đề chính trị - pháp lý, không dũng cảm đấu tranh với các hành vi lạm quyền, chuyên quyền, với sự thiếu tinh thần trách nhiệm, vô cảm trước nỗi đau của con người, với vi phạm dân chủ, vi phạm quyền con người. Kiến thức và sự hiểu biết về quyền con người của chính người dân và việc sẵn sàng sử dụng những kiến thức này của họ sẽ là một công cụ cho sự thay đổi.

1.5.4. Tiền đề, điều kiện pháp lý

Pháp luật là tiền đề, nền tảng tạo cơ sở pháp lý để công dân đấu tranh bảo vệ các quyền con người, các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nhìn nhận từ góc độ này, pháp luật chính là chỗ dựa, là công cụ, vũ khí của mọi người trong xã hội để bảo vệ quyền con người. Pháp luật đóng được vai trò này vì nó là đại lượng mang giá trị phổ biến, là chuẩn mực của sự công bằng, hợp lý, hợp lẽ phải. Nó là cơ sở, là căn cứ để công dân đánh giá, kiểm tra, đối chiếu các hành vi từ phía Nhà nước và các thành viên trong xã hội, đấu tranh bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

1.5.5. Tiền đề, điều kiện về nguồn nhân lực và vật lực

Để tiến hành giáo dục quyền con người cần có một đội ngũ những người am hiểu về quyền con người, được đào tạo, được cung cấp những tri thức vững vàng về quyền con người và cơ chế đảm bảo quyền con người. Họ sẽ trở thành những nhà giáo góp phần đưa quyền

con người vào cuộc sống thông qua các bài giảng sinh động và sâu sắc của mình. Như vậy, đào tạo, huấn luyện một đội ngũ các giảng viên, các tuyên truyền viên về quyền con người là một nhiệm vụ đặt ra rất cấp bách hiện nay.

1.6. KINH NGHIỆM GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI CỦA LIÊN HỢP QUỐC VÀ CHÂU ÂU

1.6.1. Giáo dục quyền con người của Liên Hợp Quốc

Có thể khẳng định rằng, từ nhiều năm qua, với tư cách là cơ quan chuyên trách của Liên Hợp Quốc, Cao ủy Liên Hợp Quốc về quyền con người (OHCHR) đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động giáo dục nhân quyền cho nhiều nhóm đối tượng và cho các lĩnh vực nhân quyền khác nhau, đặc biệt là đối với những người có trách nhiệm thực thi pháp luật.

1.6.2. Giáo dục quyền con người ở châu Âu

Nội dung giáo dục quyền con người ở các nước châu Âu có những điểm chung trong nội dung giáo dục quyền con người ở các nước trên thế giới. Các nước châu Âu rất chú trọng tới việc giáo dục quyền con người. Nội dung giáo dục quyền con người bao gồm các điều ước quốc tế về quyền con người. Bên cạnh đó việc giáo dục quyền con người còn tập trung vào các văn bản pháp luật của Cộng đồng châu Âu trong lĩnh vực quyền con người. Những khái niệm cơ bản được đưa vào chương trình giảng dạy quyền con người bao gồm: Quyền tự nhiên; Quyền con người; Quyền chính trị; Quyền kinh tế; Quyền văn hóa; Quyền pháp lý; Quyền phúc lợi; Quyền của các dân tộc thiểu số; Quyền của phụ nữ, trẻ em; Nghĩa vụ, trách nhiệm; Không

phân biệt đối xử, không áp bức; Bình đẳng; Tự do; Công lý; Khoan dung; Tự quyết; Hòa bình; Phúc lợi; Xung đột, bạo lực.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VÀ QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1.1. Hoạt động giáo dục quyền con người trong trường học

- Giáo dục quyền con người trong các trường mầm non
- Giáo dục nhân quyền trong các nhà trường phổ thông ở Việt Nam
- Giáo dục nhân quyền trong các trường đại học ở Việt Nam

2.1.2. Hoạt động giáo dục quyền con người bên ngoài trường học

Nhìn chung, hoạt động giáo dục nhân quyền bên ngoài hệ thống nhà trường ở Việt Nam sôi động, phong phú và ở mức độ nhất định, mang tính “chuyên nghiệp” hơn so với hoạt động giáo dục nhân quyền trong hệ thống nhà trường. Đó là bởi khác với giáo dục nhân quyền trong hệ thống nhà trường, hoạt động giáo dục nhân quyền bên ngoài có sự tham gia của rất nhiều chủ thể, hướng vào rất nhiều vấn đề và khía cạnh của quyền con người, nội dung giáo dục gắn liền với thực tế và mang tính “ứng dụng” hơn. Tính chuyên nghiệp thể hiện ở chỗ phương pháp giảng dạy cùng tham gia đã được sử dụng phổ biến trong giáo dục nhân quyền ngoài nhà trường, đội ngũ giảng viên được “cọ xát” và học hỏi kinh nghiệm từ các

chuyên gia nước ngoài nên năng động và ít “giáo điều”, cứng nhắc như giáo viên, giảng viên ở các trường học, trường đại học; tài liệu hỗ trợ và phương tiện trợ giúp giảng dạy hiện đại hơn do được cung cấp bởi các nhà tài trợ. Nói cách khác, tuy vẫn còn những hạn chế nhất định, hoạt động giáo dục nhân quyền ở ngoài xã hội ở Việt Nam có sự chuyển biến theo hướng hiện đại hóa nhanh hơn so với giáo dục nhân quyền trong hệ thống nhà trường.

2.2. NHỮNG THÀNH TỰU, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN RÚT RA TỪ THỰC TIỄN GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN QUA

2.2.1. Những thành tựu

Thành tựu nổi bật của Việt Nam trên lĩnh vực nhân quyền trước hết là việc sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật, bao gồm cả Hiến pháp năm 1992, pháp lệnh, nghị định, hướng vào việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đã biên soạn được các tài liệu pháp luật phục vụ hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền con người phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các tổ chức đoàn thể và người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đã được tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức pháp luật và nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền con người. Việc phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền con người được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống loa truyền thanh cơ sở. Việc lồng ghép dạy và học kiến thức pháp luật về quyền con người vào chương trình học môn giáo dục công dân, môn pháp luật trong

nhà trường, việc học tập pháp luật, giáo dục công dân của phạm nhân, học văn hóa của học sinh trường giáo dưỡng đã được thực hiện tốt. Các tổ chức hội thảo, tọa đàm, các sự kiện cũng được triển khai nhằm nâng cao nhận thức chung của cộng đồng về quyền con người.

2.2.2. Những tồn tại

Chương trình giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục quyền con người chưa đáp ứng được yêu cầu. Quyền con người cũng chưa được đưa vào chương trình giảng dạy ở bậc đại học như là một môn học chuyên ngành. Thậm chí có nơi nó cũng chưa được đưa vào giảng dạy như một môn học tự chọn. Nhận thức về quyền con người của đại đa số người dân Việt Nam còn hạn chế.

Việt Nam đã phê chuẩn hoặc gia nhập nhiều điều ước quốc tế về nhân quyền, tuy nhiên, trong thực tế Việt Nam mới chỉ tập trung giáo dục, tuyên truyền, phổ biến hai công ước là: "Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ" (công ước CEDAW) và "Công ước Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em" (công ước CRC). Hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng có vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động giáo dục quyền con người, nhưng còn khá thụ động.

2.2.3. Nguyên nhân rút ra từ thực tiễn giáo dục quyền con người ở Việt Nam trong thời gian qua

Những trở ngại chính trong giáo dục nhân quyền ở Việt Nam hiện nay liên quan đến các vấn đề như trình độ hạn chế và sự thiếu hụt giáo viên, giảng viên; phương pháp giảng dạy lạc hậu; sự thiếu hụt các nguồn tài liệu tham khảo...Nguyên nhân sâu xa của những hạn chế này

có lẽ là từ nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của giáo dục nhân quyền của các nhà hoạch định chính sách cũng như của cộng đồng. Kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới cho thấy, các vấn đề về nguồn nhân, vật lực, kiến thức, kinh nghiệm và tài liệu là quan trọng nhưng nhận thức về vai trò và ý nghĩa của giáo dục nhân quyền của các nhà hoạch định chính sách và của toàn thể công chúng trong xã hội mới là yếu tố có tính chất quyết định đến việc thúc đẩy hoạt động trên lĩnh vực này.

2.3. QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

2.3.1. Phương hướng chung

Cùng với việc quán triệt theo quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước giúp định hướng trong nhận thức đúng đắn về quyền con người, để thay đổi được thái độ của xã hội, cơ quan Nhà nước, công dân trước hết phải tập trung tuyên truyền thông tin để làm sao đơn giản hóa vấn đề quyền con người trong cách nhận thức, cách hiểu, từ đó làm cho cán bộ, người dân không còn tâm lý ngại ngùng, e dè. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, đoàn thể trong hoạt động giáo dục quyền con người, hình thành cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, vì hoạt động giáo dục quyền con người đòi hỏi phải có tính chất liên ngành. Đổi mới, kiện toàn tổ chức làm nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục quyền con người theo hướng đảm bảo số lượng, nâng cao chất lượng nguồn lực cán bộ, công chức làm nhiệm vụ này; xác định rõ khoản ngân sách hàng năm cho hoạt động này theo hướng tăng thêm để đáp ứng kịp thời, đầy đủ về kinh phí, cơ sở vật

chất, phương tiện hoạt động cho việc giáo dục quyền con người.

2.3.2. Các giải pháp tăng cường giáo dục quyền con người ở nước ta hiện nay

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ, thúc đẩy và phát triển quyền con người
- Xây dựng chế độ trách nhiệm của cán bộ, công chức Nhà nước; tăng cường vai trò của tổ chức Đảng và hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát bảo đảm nhân dân tham gia thực sự công việc Nhà nước
- Xóa đói, giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội, giảm sự phân hóa giàu nghèo, nền tảng cho phát triển bền vững
- Tăng cường bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự
- Đưa chương trình giáo dục quyền con người vào các cấp học của hệ thống giáo dục
- Nâng cao đội ngũ nhân lực
- Phát huy hiệu quả giáo dục quyền con người trên các phương tiện thông tin đại chúng.

KẾT LUẬN

Giáo dục quyền con người ở Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp giáo dục - đào tạo thế hệ trẻ; đối với sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; là cơ sở để quần chúng nhân dân hình thành nhận thức đúng đắn về quyền con người, củng cố niềm tin của quần chúng đối với Đảng, Nhà nước; chống lại những hoạt động lợi dụng chiêu bài "nhân

quyền" của một số nước phương Tây và các thế lực phản động, thù địch chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Chính vì thế, nghiên cứu về giáo dục quyền con người, đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp kịp thời đòi hỏi sự quan tâm hơn nữa của các nhà khoa học trong thời gian tới./.